

Bản án số: 310/2022/DS-PT

Ngày: 20/12/2022

V/v “Tranh chấp đòi tiền thanh  
toán theo hợp đồng xây dựng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Tuấn Quốc

**Các Thẩm phán:** 1/- Ông Võ Bảo Anh.

2/- Bà Hà Thị Phương Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLPT-DS ngày 05/10/2022 về “Tranh chấp đòi tiền thanh toán theo hợp đồng xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2022/DSST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 331/2022/QĐ-PT ngày 08/11/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Ủy ban nhân dân huyện N.**

Địa chỉ: đường H, Khóm M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện N, ông Tiết Văn T, Giám đốc (văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022).

2. **Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng P.** Địa chỉ: đường D, Khu đô thị M, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Phước C. sinh năm: 1986. Địa chỉ: KDC Trung tâm V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 15/3/2022).

3. **Người kháng cáo:** Bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng P.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn Ủy ban nhân dân huyện N thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Tiết Văn T trình bày:

Năm 2009 Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện N, tỉnh Cà Mau được UBND huyện N ủy quyền làm đại diện chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là chủ đầu tư) cùng với Công ty Cổ phần Xây dựng P (sau đây gọi tắt là nhà thầu) đã thương thảo và thống nhất ký kết 03 Hợp đồng xây dựng gồm:

1. Hợp đồng số 52/HĐ-XD ngày 20/10/2009, thuộc gói thầu số 10: Xây dựng cầu Xẻo Quao và cầu Vàm Lỗ với tổng giá trị hợp đồng là 6.399.999.603đ.

2. Hợp đồng số 54/HĐ-XD ngày 27/10/2009, thuộc gói thầu số 10: Xây dựng bến phà Vàm Xáng-Cái Ngay với tổng giá trị hợp đồng là 1.999.999.973đ.

3. Hợp đồng số 55/HĐ-XD ngày 29/10/2009 thuộc gói thầu số 09: Xây dựng nền, mặt đường đoạn 2 (từ Km8+750 đến Km15+025), với tổng giá trị là 10.000.000.049đ.

Trong quá trình thực hiện, nhà thầu vi phạm toàn bộ 03 hợp đồng kể trên, nên chủ đầu tư đã lập thủ tục chấm dứt 03 hợp đồng theo quy định, cụ thể ngày 01/10/2013 hai bên ký biên bản thống nhất chấm dứt Hợp đồng số 52/HĐ-XD ngày 20/10/2009; ngày 17/01/2014 hai bên ký biên bản chấm dứt 02 hợp đồng còn lại là Hợp đồng số 54/HĐ-XD ngày 27/10/2009 và Hợp đồng số 55/HĐ-XD ngày 29/10/2009. Nhà thầu còn nợ tạm ứng 03 hợp đồng nói trên cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng số 52/HĐ-XD ngày 20/10/2009, chủ đầu tư đã cho tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng của nhà thầu qua các lần như:

- Ngày 29/10/2009 tạm ứng theo hợp đồng: 1.919.000.000đ;

- Ngày 18/6/2010 thanh toán khối lượng hoàn thành (đợt 1): 901.046.000đ;

- Ngày 18/6/2010 thu hồi tạm ứng (đợt 1): 100.000.000đ;

- Ngày 18/3/2011 thu hồi tạm ứng (đợt 2): 1.084.842.000đ;

- Ngày 18/10/2018 thu hồi tạm ứng theo hợp đồng (đợt 3): 734.158.000đ (số tiền tạm ứng thu hồi này được các bên ký xác nhận khối lượng sau khi đối chiếu theo văn bản tường trình ngày 19/4/2017);

- Ngày 15/01/2020 thanh toán khối lượng hoàn thành (theo quyết định phê duyệt quyết toán số 266/QĐ-UBND ngày 21/02/2019) là 608.899.000đ;

+ Đối với Hợp đồng số 54/HĐ-XD ngày 27/10/2009, chủ đầu tư đã cho tạm ứng, thu hồi tạm ứng của nhà thầu qua các lần như:

- Ngày 06/11/2009 tạm ứng theo hợp đồng: 599.000.000đ;

- Ngày 26/11/2020 thu hồi tạm ứng (đợt 1): 341.979.000đ;

- Còn nợ tạm ứng chưa thu hồi 257.021.000đ (số tạm ứng này được nhà thầu công nhận nợ tại văn bản tường trình ngày 19/4/2017);

+ Đối với Hợp đồng số 55/HĐ-XD ngày 29/10/2009, chủ đầu tư đã cho tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng của nhà thầu qua các lần như:

- Ngày 06/11/2009 tạm ứng theo hợp đồng: 3.000.000.000đ;

- Ngày 22/6/2010 thanh toán khối lượng hoàn thành (đợt 1): 1.888.787.000đ;

- Ngày 22/6/2010 thu hồi tạm ứng (đợt 1): 300.000.000đ;

- Còn nợ tạm ứng chưa thu hồi 2.700.000.000đ (số tạm ứng này được nhà thầu công nhận nợ tại văn bản tường trình ngày 19/4/2017);

Tính đến nay giữa chủ đầu tư và nhà thầu đã thanh toán, thu hồi tạm ứng dứt điểm Hợp đồng số 52/HĐ-XD ngày 20/10/2009. Riêng Hợp đồng số 54 và 55, phía nhà thầu còn nợ lại chủ đầu tư tổng số tiền là 2.957.021.000đ. Trong số tiền còn nợ tạm ứng này nhà thầu có nộp đủ theo Quyết định số 80/2017/QĐST-DS ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là 2.342.804.000đ. Như vậy đối chiếu với số tiền đã nộp đến ngày 21/01/2021 nhà thầu còn nợ lại chủ đầu tư 614.217.000đ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiếp số tiền còn lại 614.217.000đ và tiền lãi tạm tính từ 17/01/2014 đến 01/3/2022 là

449.051.525đ; tổng cộng là 1.063.268.525đ và lãi suất cho đến khi trả dứt nợ. Tuy nhiên sau đó nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi.

*\* Bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng P thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Phước C trình bày:*

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về việc ký kết các hợp đồng số 52, 54, 55. Bị đơn đã nhận tiền tạm ứng theo từng hợp đồng, cụ thể Hợp đồng số 52 tạm ứng 1.919.000.000đ; Hợp đồng số 54 tạm ứng 599.000.000đ; Hợp đồng số 55 tạm ứng 3.000.000.000đ. Đối với Hợp đồng số 52 bị đơn đã hoàn tạm ứng 03 lần: lần 01 là 100.000.000đ, lần 2 là 1.084.842.000đ, lần 3 là 734.158.000đ và có khối lượng thi công với số tiền là 1.509.945.000đ. Đối với Hợp đồng số 54, bị đơn đã hoàn tạm ứng 341.979.000đ, còn nợ lại 257.021.000đ. Đối với Hợp đồng số 55 bị đơn đã hoàn tạm ứng 300.000.000đ, còn nợ lại 2.700.000.000đ, có khối lượng thanh toán là 1.888.787.000đ. Sau đó bị đơn đã trả theo Quyết định số 80 năm 2017 là 2.342.804.000đ. Bị đơn đề nghị Tòa án cho thời gian 02 tháng để trích lục hồ sơ quyết toán và đối chiếu lại số nợ 614.217.000đ này. Tuy nhiên, sau đó bị đơn khẳng định số nợ đã được hai bên đối chiếu thống nhất và Tòa án thành phố Cà Mau đã công nhận bằng Quyết định số 80 ngày 24/10/2017 có hiệu lực pháp luật và bị đơn đã thi hành án xong. Do đó, yêu cầu Tòa án không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ vụ án.

*Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân quận Cái Răng đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số: 59/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 đã tuyên:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân huyện N. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng P có trách nhiệm trả cho Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau số tiền 614.217.000 đồng.*

*Đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn.*

*Ngoài ra bản án còn tuyên về việc chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.*

Ngày 13/6/2022 bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng P kháng cáo cho rằng tranh chấp này đã được giải quyết bằng Quyết định hòa giải thành của Tòa án. Căn cứ để tính vượt khối lượng thi công và tạm ứng mà nguyên đơn đưa ra là không đủ căn cứ, việc xác định khối lượng vượt bằng biên bản đối chất là chưa khách quan. Yêu cầu phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn tiếp tục trả số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng xây dựng số 52, 54, 55 nhưng tranh chấp này đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết bằng Quyết định số 80/2017/QĐDS-ST công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (Quyết định sửa chữa, bổ sung số 169/2017/QĐ-SCBSQĐ ngày 22/11/2017). Như vậy sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại sự việc có cùng quan hệ tranh chấp,

cùng đối tượng khởi kiện và đương sự là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Bị đơn kháng cáo có căn cứ, đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ vụ án.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tiếp tục trả số tiền còn nợ tạm ứng vượt khối lượng thi công là 614.217.000đ. Bị đơn cho rằng tranh chấp này đã được giải quyết bằng quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết và xác định “*Tranh chấp đòi tiền thanh toán theo hợp đồng xây dựng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng P kháng cáo cho rằng tranh chấp này đã được giải quyết bằng quyết định hòa giải thành của Tòa án rồi, nên yêu cầu cấp phúc thẩm bác khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ vụ án. Xét kháng cáo thấy rằng:

[2] Tại đơn khởi kiện ngày 21/7/2017 của nguyên đơn nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (BL02->04) yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng P phải trả số tiền còn nợ tạm ứng vượt khối lượng thi công đối với 03 Hợp đồng số 52, 54, 55 nói trên là 4.033.158.000đ, vụ án được Tòa án thành phố Cà Mau thụ lý giải quyết; Trong quá trình giải quyết vụ án:

[2.1] Tại Biên bản hòa giải lần 1 ngày 15/9/2017 (BL237,238) nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ tạm ứng vượt khối lượng thi công đối với 03 Hợp đồng số 52, 54, 55 nói trên là 4.033.158.000đ. Bị đơn không đồng ý với số nợ nguyên đơn kiện đòi, yêu cầu được đối chiếu với Ban quản lý dự án huyện N và Tòa án thành phố Cà Mau đã ấn định cho hai bên trong thời hạn 10 ngày (từ ngày 15/9/2017 đến ngày 25/9/2017) phải đối chiếu các số liệu để thống nhất khoản nợ.

[2.2] Tại Biên bản hòa giải lần 2 ngày 16/10/2017 (BL234,235) Tòa án thành phố Cà Mau ghi nhận “...*Sau khi đối chiếu Công ty đồng ý thanh toán số tiền 2.342.804.000đ theo yêu cầu của Ban quản lý dự án xây dựng huyện N*”. Đồng thời tại mục Những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất của biên bản này cũng ghi rõ: “*Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Công ty ... thừa nhận và đồng ý thanh toán cho UBND huyện N, tỉnh Cà Mau số tiền tạm ứng vượt khối lượng thi công là 2.342.804.000đ; Thời gian và phương thức thanh toán: các đương sự thống nhất thỏa thuận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; Về án phí: ...*”; tại mục Những sửa đổi bổ sung theo yêu cầu của những người tham gia phiên họp ghi nhận “*Không*”. Trên cơ sở đó, Tòa án thành phố Cà Mau lập Biên bản hòa giải thành (BL236) ghi nhận toàn bộ sự thỏa thuận thống nhất của hai bên về việc giải quyết vụ án và tại biên bản này không thể hiện nội dung hai bên thỏa thuận chưa lại, đối chiếu sau đối với khoản nợ chưa thống nhất 614.217.000đ.

[2.3] Hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, các bên không ai thay đổi ý kiến nên ngày 24/10/2017 Tòa án thành phố Cà Mau đã ban

hành Quyết định số 80/2017/QĐDS-ST công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (Quyết định sửa chữa, bổ sung số 169/2017/QĐ-SCBSQĐ ngày 22/11/2017), theo đó Công ty Cổ phần Xây dựng P thanh toán cho UBND huyện N số tiền tạm ứng vượt khối lượng thi công là 2.342.804.000đ, việc chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ và án phí. Như vậy, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện hai bên có sự thỏa thuận số nợ đã thống nhất 2.342.804.000đ sẽ được Tòa án công nhận bằng quyết định để thi hành trước; còn lại số nợ chưa thống nhất 614.217.000đ sẽ được tách ra giải quyết sau hoặc nguyên đơn có quyền khởi kiện thành vụ án độc lập như nguyên đơn trình bày. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và kể cả tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn cũng không cung cấp được “*Biên bản đối chiếu*” giữa hai bên sau khi có Quyết định hòa giải thành của Tòa án thành phố Cà Mau về số nợ còn lại chưa thống nhất.

[3] Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/3/2022 thể hiện nội dung nguyên đơn kiện đòi bị đơn phải trả số tiền tạm ứng vượt khối lượng thi công của 03 hợp đồng 52, 54, 55 nói trên với số tiền là 4.033.158.000đ, số đã thống nhất được Tòa án thành phố Cà Mau ra quyết định công nhận rồi là 2.342.804.000đ, số còn lại 614.217.000đ yêu cầu Tòa án quận Cái Răng buộc bị đơn phải trả tiếp cùng với lãi suất từ ngày 17/01/2014 đến ngày 01/3/2022 là 449.051.525đ; tổng cộng là 1.063.268.525đ. Như vậy: về quan hệ pháp luật, đối tượng tranh chấp và đương sự trong vụ án không có gì khác với lần khởi kiện trước; đã được giải quyết bằng Quyết định số 80/2017/QĐDS-ST công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (Quyết định sửa chữa, bổ sung số 169/2017/QĐ-SCBSQĐ ngày 22/11/2017) của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có nghĩa là “*Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án...*” theo điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Lẽ ra, trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn, nhưng thụ lý giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn tiếp tục trả thêm số tiền 614.217.000đ là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết và xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật. Do đó cần phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án như đề nghị của Kiểm sát viên phúc thẩm là phù hợp và có căn cứ. Tuy nhiên, do bị đơn xin thời gian để kiểm tra lại các tài liệu, chứng cứ nhưng sau đó luôn vắng mặt nên xem đây là tình tiết mới phát sinh, khách quan.

[4] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm, không ai phải chịu nên các đương sự được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ:* khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng P.

1/- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 59/2022/DS-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử vụ án “*Tranh chấp đòi tiền thanh toán theo hợp đồng xây dựng*” giữa: Nguyên đơn là Ủy ban nhân dân huyện N, với Bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng P;

Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

2/- Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: không ai phải chịu.

- Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 14.280.000đ theo Biên lai số 006413 ngày 15/10/2020 và số tiền 10.981.031đ theo Biên lai số 0008310 ngày 23/3/2022.

- Bị đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ theo Biên lai số 0008478 ngày 24/6/2022.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Nơi nhận :

**TÒA**

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q. Cái Răng.
- Chi cục THADS.Cái Răng.
- Lưu (HS - 2b).

**(Đã ký)**

**Trần Tuấn Quốc**